

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 102/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 29 – 10 – 2018

*“V/v tranh chấp về hôn nhân và gia
đình ly hôn, nuôi con”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Minh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Mai Hương
2. Ông Phạm Phước Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 29 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 464/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2018 về việc: *“Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 276/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 202/2018/QĐST – HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị T, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Ấp 6, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp

2. *Bị đơn:* Đoàn Văn P, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị T và anh P chung sống với nhau từ năm 1999, không có đăng ký kết hôn. Thời gian vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nhiều mâu thuẫn phát sinh nên đã sống xa nhau từ năm 2000 đến nay. Chị T nhận thấy không

còn tình cảm với anh P, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên Chị T yêu cầu được ly hôn với anh P.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ Y, sinh ngày 21/3/2000. Do con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn là anh Đoàn Văn P đã được được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia phiên hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu được ly hôn với anh Đoàn Văn P. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật trong vụ án này là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*”.

Anh Đoàn Văn P là người bị kiện có địa chỉ tại huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.

Chị Nguyễn Thị T, anh Đoàn Văn P đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt và anh P vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Nguyễn Thị T, anh Đoàn Văn P.

[2] Về nội dung:

- Về hôn nhân: Xét thấy chị Nguyễn Thị T và anh Đoàn Văn P tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1999, mặc dù việc sống chung của anh chị đều được hai bên gia đình thừa nhận, nhưng Chị T và anh P đã không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật để được công nhận là vợ chồng. Bởi lẽ, tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng....*”; và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 cũng quy định: “*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 điều 14 của*

Luật này....”. Do Chị T và anh P không đăng ký kết hôn nên khi Chị T xin ly hôn Hội đồng xét xử không công nhận chị Nguyễn Thị T và anh Đoàn Văn P là vợ chồng.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ Y, sinh ngày 21/3/2000. Do con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T trình bày không có, anh P không có văn bản ghi ý kiến gửi (nộp) cho Tòa án, nên Hội Đồng xét xử không xem xét.

- Án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị T và anh Đoàn Văn P là vợ chồng.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ Y, sinh ngày 21/3/2000. Do con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Do không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000599 ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Chị T đã nộp xong tiền án phí.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND HCL;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Tòa án tỉnh.
- Lưu.

Võ Thị Ngọc Minh